TÊN_____

## 5 Câu hỏi tự luận

**1.** tiếp tục

_____

NHẬP ĐÁP ÁN CỦA BẠN

**2.** khoe khoang

_____

NHẬP ĐÁP ÁN CỦA BẠN

**3.** khởi nghiệp, sắp đặt

_____

NHẬP ĐÁP ÁN CỦA BẠN

**4.** bắt đầu làm một hoạt động/thói quen mới

_____

NHẬP ĐÁP ÁN CỦA BẠN

**5.** tin cậy vào

_____

NHẬP ĐÁP ÁN CỦA BẠN

## 5 Câu hỏi ghép thẻ

**1.** _____ tìm hiểu thông tin

**2.** _____ máy bay cất cánh, cởi đồ

**A.** find out

**B.** carry out

**C.** work out



LIVEWORKSHEETS

**3.** _____ thực hiện, tiến hành

**4.** _____ phản đối, từ chối

**5.** _____ tìm ra cách giải quyết

**D.** turn down

**E.** take off

## 5 câu hỏi nhiều lựa chọn

**1.** xuất bản

- take over
- bring out = publish
- set up = start
- bring up

**2.** nuôi dưỡng

- bring up
- dress up
- grow up
- warm up

**3.** ghé qua

- grow up
- drop by


LIVEWORKSHEETS

- dress up
- hold on

**4.** từ bỏ

- keep up
- get up
- grow up
- give up

**5.** giải quyết, xử lý

- find out
- face up to
- deal with
- turn down

## 5 câu hỏi Đúng/Sai

**1.** đọc, xem qua → look through

- Đúng
- Sai

**2.** đối mặt, chấp nhận → face up to

- Đúng


LIVEWORKSHEETS

Sai

**3.** chuyển giao, truyền lại → turn down

- Đúng
- Sai

**4.** thức dậy → keep up

- Đúng
- Sai

**5.** mặc đẹp → grow up

- Đúng
- Sai

Xem đáp án



LIVEWORKSHEETS